

STT	TÊN ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG	GIÁ ĐẤT			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
3.51	Đoạn từ đường QL 17 đến cổng trường THCS Tiền Phong	22.000			
3.52	Các vị trí còn lại khu thị tứ Yên Sơn	20.000			
3.53	Các vị trí còn lại Khu dân cư mới An Thịnh	17.000			
3.54	Các vị trí còn lại trên địa bàn phường	10.000	6.000		
4	PHƯỜNG ĐA MAI				
4.1	Đường Thân Nhân Trung	33.000	19.800		
4.2	Đường Mỹ Độ				
-	Đoạn từ Cầu sông Thương đến hết đất Chùa Mỹ Độ	25.000	15.000	9.000	
-	Đoạn từ hết chùa Mỹ Độ đến ngã ba QL.17 - Thân Nhân Trung	15.000	9.000	5.400	
4.3	Đường Hoàng Hoa Thám	28.000	16.800	10.080	
-	Đường Hoàng Hoa Thám 2	18.000	10.800	6.480	
-	Đường Hoàng Hoa Thám 4	18.000	10.800	6.480	
4.4	Đường Thân Khuê				
-	Đoạn từ đường Hoàng Hoa Thám đến đường Cẩn Vương	20.000			
-	Đoạn từ đường Cẩn Vương đến Nhà máy ép dầu	18.000			
	Các đường còn lại trong điểm dân cư thôn Phương Đậu	15.000			
4.5	Đường Bảo Ngọc	16.000	9.600	5.760	
4.6	Đường Lương Văn Can (Từ đường Hoàng Hoa Thám đến đường Bảo Ngọc)	20.000			
4.7	Đường Phan Đình Phùng (Từ đường Bảo Ngọc đến đường Hoàng Hoa Thám)	20.000			
-	Đường Phan Đình Phùng 1	15.000			
4.8	Đường Phan Chu Trinh (Từ đường Phan Bội Châu đến đường Nguyễn Thiện Thuật)	20.000			
-	Đường Phan Chu Trinh 1	15.000			
4.9	Đường Phan Bội Châu (Cạnh Nhà văn hóa Mai Sầu đến đường Trần Hưng Đạo)	20.000			
-	Đường Phan Bội Châu 2	15.000			
4.10	Đường Giáp Văn Cương (Từ đường Võ Nguyên Giáp đến đường gom QL.1A)	30.000			
-	Đường Giáp Văn Cương 1	18.000			
-	Đường Giáp Văn Cương 2	18.000			
-	Đường Giáp Văn Cương 4	18.000			
-	Đường Giáp Văn Cương 6	18.000			
-	Đường Giáp Văn Cương 8	18.000			
4.11	Đường Lư Giang (Từ đường Võ Nguyên Giáp đến đường Trương Hán Siêu)	30.000			
4.12	Đường Hòa Sơn	15.000			
4.13	Đường Cả Chi (Từ đường Bảo Ngọc đến đường Phan Đình Phùng)	15.000			
4.14	Đường Võ Nguyên Giáp (QL17)				
-	Đoạn từ đường Nguyễn Trường Tộ đến lối rẽ vào Trường Tiểu học, THCS Tân Mỹ	30.000			
-	Đoạn từ lối rẽ vào Trường Tiểu học, THCS Tân Mỹ đến nút giao QL.17-QL.1A	35.000			
4.15	Đường Nguyễn Thái Học (Từ cạnh Đài phát thanh và truyền hình tỉnh đến đường Mạc Đĩnh Chi)	25.000			

STT	TÊN ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG	GIÁ ĐẤT			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
4.16	Đường Trần Hưng Đạo:				
-	Từ cầu Bến Hưởng đến nút giao đường Võ Nguyên Giáp	30.000			
-	Từ đường Võ Nguyên Giáp đến địa phận thành phố	20.000			
4.17	Đường Bà Triệu (Từ chân cầu Á Lữ, phường Mỹ Độ đến đường Trần Đại Nghĩa)				
-	Từ chân cầu Á Lữ, phường Mỹ Độ đến đường Giáp Văn Cương	35.000			
-	Từ đường Giáp Văn Cương đến đường Trần Đại Nghĩa	50.000			
4.18	Đường Hai Bà Trưng (Từ đường Thân Nhân Trung đến đường gom QL.1A)	45.000			
4.19	Đường Mỹ Cầu	20.000			
4.20	Đường Mỹ Cầu 1	20.000			
-	Các đường còn lại trong Khu dân cư thôn Mỹ Cầu	20.000			
4.21	Đường Phụng Pháp	25.000			
4.22	Đường Nguyễn Hạnh Thông	25.000			
4.23	Đường Phạm Tu	20.000			
4.24	Đường Nguyễn Phụng Sổ	25.000			
4.25	Đường Lê Trung	25.000			
-	Đường Lê Trung 1	25.000			
-	Đường Lê Trung 3	25.000			
4.26	Đường Hoàng Sâm	25.000			
-	Đường Hoàng Sâm 1	20.000			
4.27	Đường Doãn Đại Hiệu	25.000			
-	Đường Doãn Đại Hiệu 1	25.000			
-	Đường Doãn Đại Hiệu 3	25.000			
-	Đường Doãn Đại Hiệu 5	25.000			
4.28	Đường Ngô Doãn Trù	25.000			
4.29	Đường Khổng Tư Trực	25.000			
4.30	Đường Nguyễn Lễ Kính	25.000			
4.31	Đường Cẩn Vương				
-	Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Thân Khuê	30.000			
-	Đoạn từ đường Thân Khuê đến đê hữu Thương	25.000			
4.32	Các đường còn lại trong Khu dân cư cạnh đường Trần Hưng Đạo (Thôn An Phú)				
-	Lòng đường 7,0m	14.000			
-	Lòng đường 7,5m	15.000			
-	Đường đôi lòng đường mỗi bên 7,5m	20.000			
4.33	Đường Cả Dinh (Từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Nguyễn Trường Tộ)	18.000			
4.34	Điểm dân cư thôn Phúc Thượng				
-	Mặt đường rộng 7,5m	20.000			
-	Mặt đường rộng 7,0m	18.000			
-	Mặt đường rộng 5,5m	16.000			
4.35	Khu dân cư Chợ Cây, phường Đa Mai				
-	Mặt đường rộng 7m	19.000			
-	Các đường còn lại	17.000			
4.36	Khu dân cư Tân Mai, phường Đa Mai				
-	Mặt đường rộng 6m	15.000			
-	Mặt đường rộng 5m	13.000			

STT	TÊN ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG	GIÁ ĐẤT			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
4.37	Đường Phan Huy Chú (Từ đường nội bộ đến đường Bà Triệu)	20.000			
-	Đường Phan Huy Chú 2	17.000			
-	Đường Phan Huy Chú 4	17.000			
4.38	Đường Ngô Uông (Từ đường Phan Huy Chú 2 đến Phan Huy Chú 4)	19.000			
-	Đường Ngô Uông 2	17.000			
-	Đường Ngô Uông 4	17.000			
-	Đường Ngô Uông 6	17.000			
-	Các tuyến đường còn lại thuộc khu Đô thị mới Mỹ Độ	17.000			
4.39	Đường Giang Văn Minh	22.000			
-	Đường Giang Văn Minh 1	17.000			
4.40	Đường Phan Kế Bính	19.000			
-	Đường Phan Kế Bính 2	17.000			
-	Đường Phan Kế Bính 4	17.000			
-	Các đường trong Khu dân cư tổ 4 sau UBND phường Mỹ Độ	13.000			
4.41	Đường Nguyễn Thời Lượng				
-	Từ đề hữu Thương đến đường Bà Triệu	13.000			
-	Từ đường Bà Triệu đến hết khu đô thị Tây Nam (đoạn nằm trong khu đô thị Tây Nam)	21.000			
-	Từ Khu đô thị Tây Nam đến đường Phan Kế Bính 2	13.000			
4.42	Đường Thân Hành	18.600			
4.43	Đường Nguyễn Đình Chiểu (Từ đường Thân Nhân Trung đến đường Lý Thiên Bảo)	30.000			
4.44	Đường Phạm Ngọc Thạch (Từ đường Thân Nhân Trung đến đường Giáp Văn Cương)	25.000			
-	Đường Phạm Ngọc Thạch 1	20.000			
-	Đường Phạm Ngọc Thạch 3	20.000			
4.45	Đường Đặng Văn Ngữ	18.000			
4.46	Đường Triệu Túc (Từ đường Bà Triệu đến đường gom QL1A)	18.000			
4.47	Đường Triệu Việt Vương (Từ đường Hoàng Sâm đến đường Đào Toàn Bản)	20.000			
-	Đường Triệu Việt Vương 1	18.000			
-	Đường Triệu Việt Vương 3	18.000			
-	Đường Triệu Việt Vương 5	18.000			
4.48	Đường Mạc Đĩnh Chi (Từ đường Thân Nhân Trung đến đường Chu Văn An)	15.000			
4.49	Đường Chu Văn An	15.000			
4.50	Đường Trần Đại Nghĩa	15.000			
4.51	Đường Hoàng Đạo Thúy	15.000			
4.52	Đường Hàn Thuyên	15.000			
4.53	Đường Tuệ Tĩnh	15.000			
4.54	Đường Lê Văn Hưu	19.800			
4.55	Đường Trương Hán Siêu	15.000			
4.56	Đường Đào Tông	15.000			
4.57	Đường Nguyễn Trường Tộ	15.000			
4.58	Đường Lương Ngọc Quyến	15.000			
4.59	Đường Nguyễn Sinh Sắc	15.000			

STT	TÊN ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG	GIÁ ĐẤT			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
4.60	Đường Trần Xuân Soạn	15.000			
4.61	Đường Phạm Hồng Thái	15.000			
4.62	Đường Nguyễn Thượng Hiền	15.000			
4.63	Đường Tống Duy Tân	15.000			
4.64	Đường Hàm Nghi	15.000			
4.65	Đường Nguyễn Trung Trực	15.000			
4.66	Đường Nguyễn Tri Phương	15.000			
4.67	Đường Nguyễn Tri Phương 2	15.000			
4.68	Đường Tân Mai	15.000			
-	Đường Tân Mai 2	15.000			
4.69	Đường Hoàng Diệu	15.000			
4.70	Đường Trương Định	15.000			
-	Đường Trương Định 2	13.000			
4.71	Đường Duy Tân	15.000			
4.72	Đường Tăng Bạt Hổ	15.000			
-	Đường Tăng Bạt Hổ 1	15.000			
4.73	Đường Nguyễn Thiện Thuật	15.000			
4.74	Đường Thủ Khoa Huân	15.000			
-	Đường Thủ Khoa Huân 1	13.000			
-	Đường Thủ Khoa Huân 3	13.000			
4.75	Đường Thái Phiên	15.000			
4.76	Đường Thân Toàn	15.000			
4.77	Đường Đề Công	15.000			
4.78	Đường Đề Thị	15.000			
4.79	Đường Cả Huỳnh	15.000			
4.80	Đường Mai Độ	13.000			
4.81	Đường Mai Đình	13.000			
-	Đường Mai Đình 2	13.000			
4.82	Đường Thanh Mai	13.000			
-	Đường Thanh Mai 1	13.000			
-	Đường Thanh Mai 3	13.000			
-	Đường Thanh Mai 5	13.000			
-	Đường Thanh Mai 7	13.000			
4.83	Đường từ TL398B (đoạn Liên Chung) đi thành phố Bắc Giang	7.000	4.200	2.500	
4.84	Đường từ QL17 (xã Quế Nham cũ)				
-	Đoạn từ giáp đất Bắc Giang đến hết cầu Điểm Tổng	22.000	14.000	9.000	
-	Đoạn từ hết cầu Điểm Tổng đến đường vào Trại thương binh	15.000	10.000	7.000	
-	Đoạn từ Trại thương binh đến hết đất xã Quế Nham	9.000	7.000	5.000	
4.85	Đường từ QL17 đi thôn Phú Khê				
-	Đoạn từ QL17 đến đường rẽ vào Trung tâm văn hoá thôn Tiền Đình	7.000	4.200	2.500	
-	Các đoạn còn lại của xã Quế Nham	6.000	3.600	2.200	
4.86	Khu dân cư Trạm Bơm, Ba Làng, Quế Nham	6.000	3.600	2.100	
4.87	Khu dân cư Cây Xùng, Ba Làng, Quế Nham	8.000	4.800	3.000	
4.88	Đường từ Cây Xùng đến Trung đoàn 831	7.000	4.200	2.500	
4.89	Đường từ Trung đoàn 831 đến đất thuộc phường Song Mai (cũ)	8.000	4.800	3.000	

STT	TÊN ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG	GIÁ ĐẤT			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
4.90	Đường Lê Chân (Từ đường Lý Thiên Đế đến đường Lý Nam Đế)	20.000			
4.91	Đường Lý Nam Đế	20.000			
4.92	Đường Lý Thiên Bảo	20.000			
4.93	Các đường ngõ còn lại trên địa bàn (Tân Mỹ, Mỹ Độ, Đa Mai, Song Mai)				
-	Đường rộng trên 5m	12.000	7.200	4.300	
-	Đường rộng dưới 5m	10.000	6.000	3.600	
4.94	Các đường ngõ còn lại trên địa bàn (xã Quế Nham cũ)				
-	Đường rộng trên 5m	2.000	1.200		
-	Đường rộng dưới 5m	1.500	1.100		
4.95	Các tuyến đường còn lại thuộc khu dân cư số 2, khu phía Bắc thuộc khu đô thị Tây Nam	25.000			
4.96	Các tuyến đường còn lại thuộc Khu đô thị mới cạnh trường Tiểu học Tân Mỹ				
-	Lòng đường 10,5m	25.000			
-	Lòng đường 8,0m	15.000			
4.97	Các tuyến đường còn lại thuộc Khu dân cư cạnh trường Giáp Hải	15.000			
4.98	Đường từ đường sắt đến nhà văn hoá Tổ dân phố Lò	13.000			
4.99	Các đường còn lại trong điểm dân cư thôn Tân Phương	18.000			
5	PHƯỜNG TÂN AN				
*	Đất ven các trục đường giao thông				
5.1	Tỉnh lộ 299				
-	Đoạn từ giáp xã Tân Dĩnh đến ngã tư Tân An	35.000	21.000	14.000	
-	Đoạn từ điểm giao cắt tỉnh lộ 299 với tỉnh lộ 293 đến hết đất thị trấn Tân An (giáp phường Tân Tiến)	25.000	15.000	10.000	
5.2	Tỉnh lộ 299B				
-	Đoạn từ ngã tư Tân An đến hết đất nhà ông Thương, Bà Hạnh TDP Kim Xuyên	35.000	21.000	14.000	
-	Đoạn từ hết đất nhà ông Thương, Bà Hạnh TDP Kim Xuyên, thị trấn Tân An đến hết đường rẽ vào trại gà anh Hoàng Văn Tuấn	30.000	18.000	12.000	
-	Đoạn từ hết đường rẽ vào trại gà anh Hoàng Văn Tuấn đến hết đất nhà bà Lan Hội (rốc Đèo Rẻ, xã Trí Yên cũ)	22.000	13.200	8.800	
-	Đoạn từ hết đất nhà bà Lan Hội (rốc Đèo Rẻ, xã Trí Yên cũ) đến cổng chùa Vĩnh Nghiêm	20.000	12.000	8.000	
5.3	Tỉnh lộ 293 thuộc địa phận thị trấn Tân An				
-	Tỉnh lộ 293 đoạn địa phận từ giáp (xã Hương Gián cũ) phường Tân Tiến đến hết đất thuộc địa phận thị trấn Tân An cũ	50.000	30.000	20.000	
-	Tỉnh lộ 293 thuộc địa phận xã Lão Hộ	35.000	21.000	14.000	
5.4	Đoạn từ Cầu Sông, tổ dân phố Nguyễn đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Duy)	12.000	7.200	4.800	
5.5	Đường nối đường tỉnh 293 qua trạm y tế Tân Dân đến đường tỉnh 299	25.000	15.000	10.000	
5.6	Đoạn đường từ đoạn rẽ nhà Nga Giảng đến cầu thôn Nguyễn (đường đi xã Lão Hộ)	18.000	10.800	7.200	
5.7	Các đường, ngõ còn lại trên địa bàn thị trấn Tân An, Lão Hộ cũ				